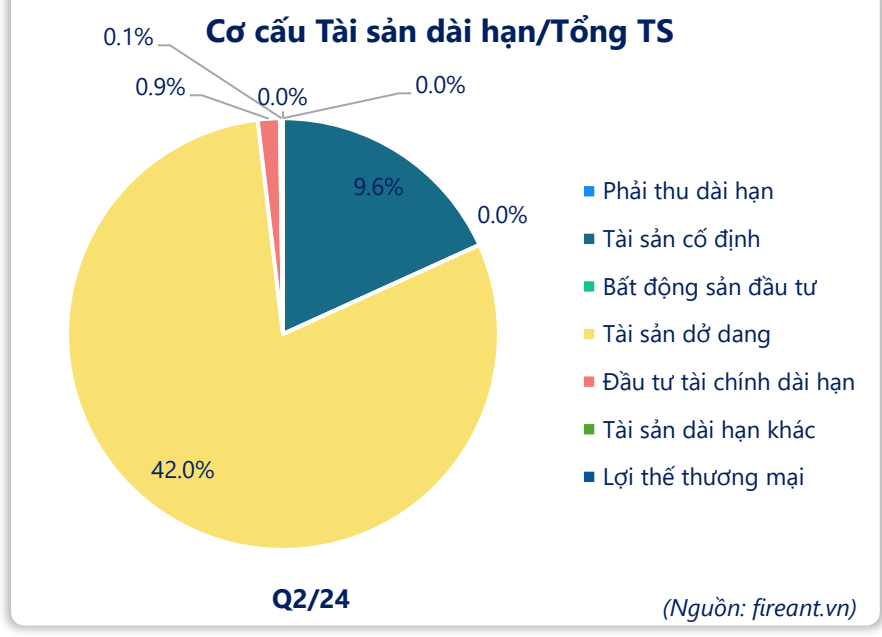
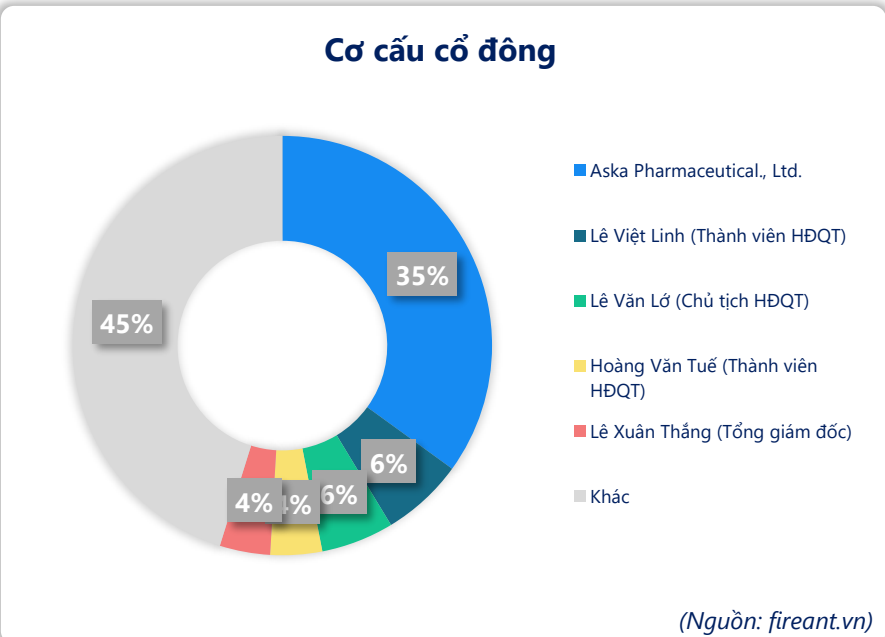
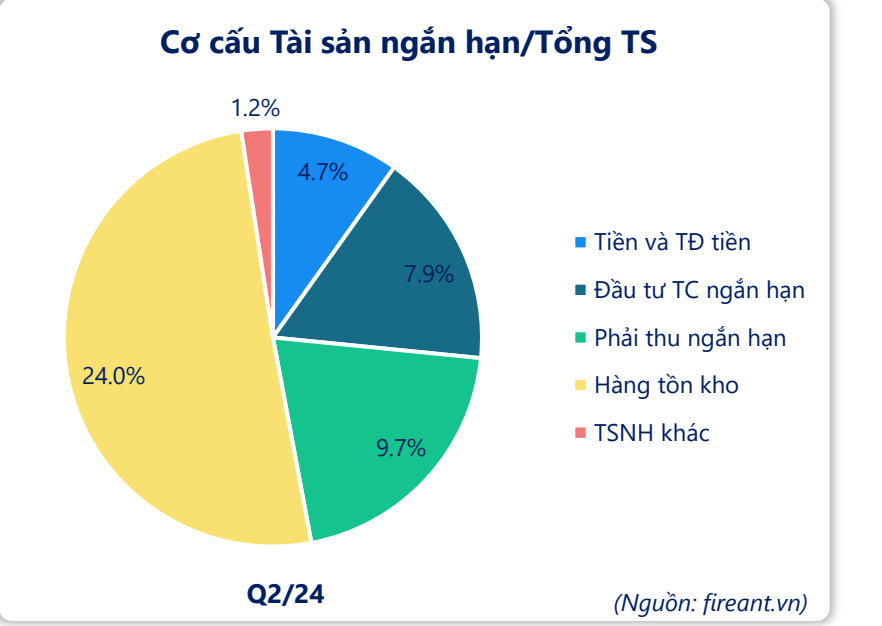
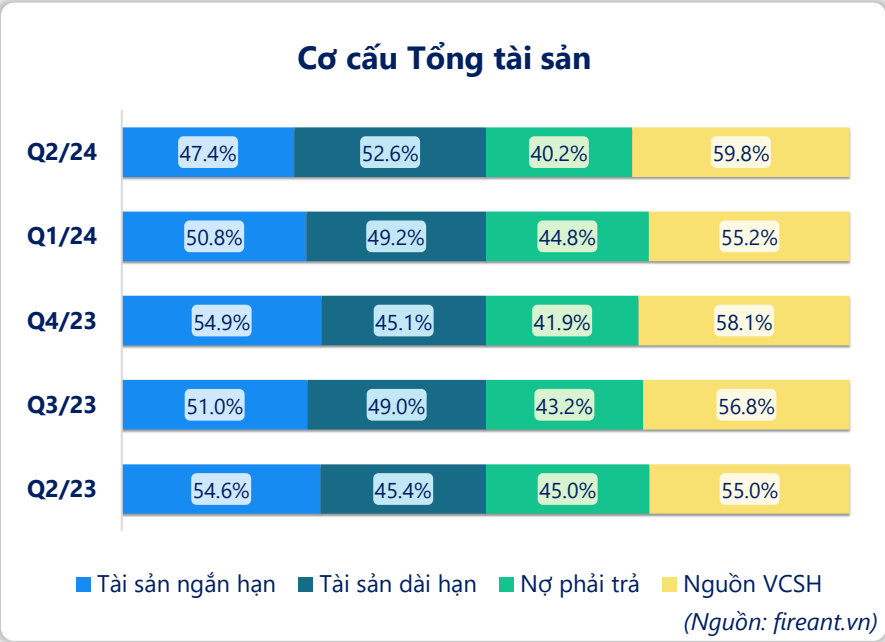
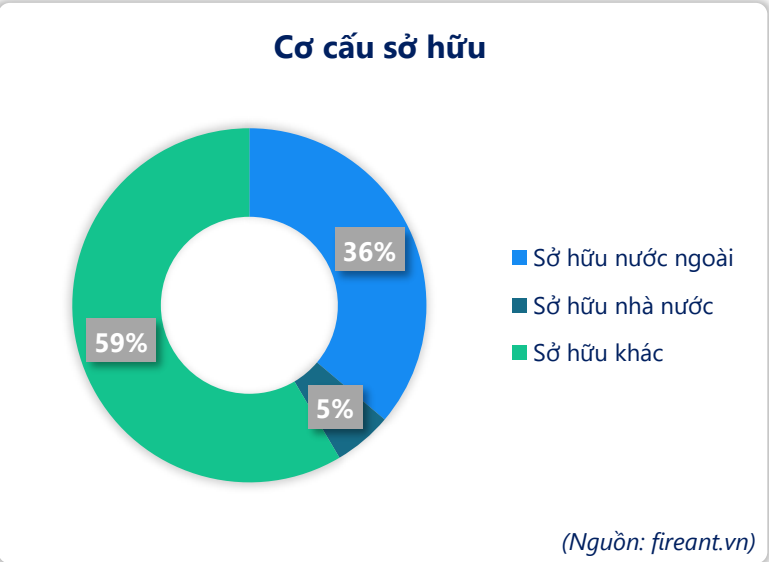
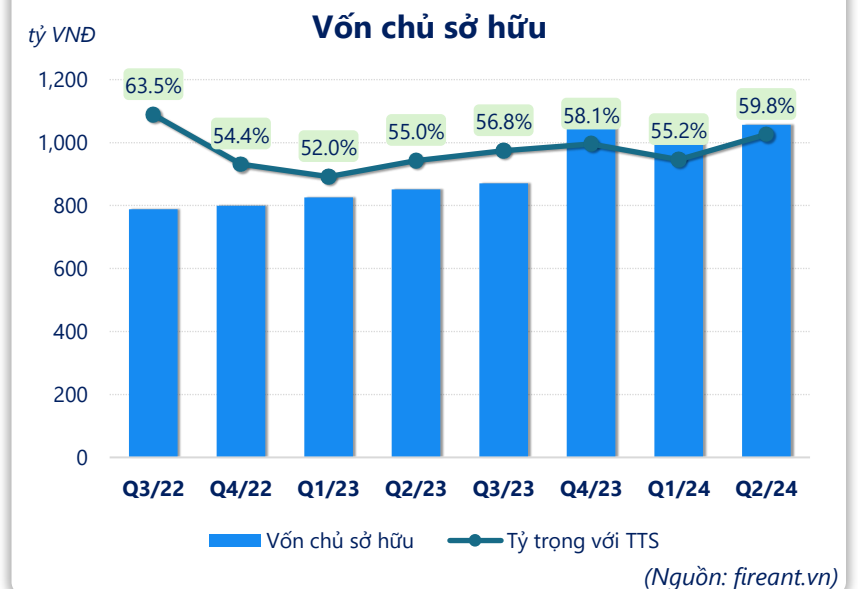
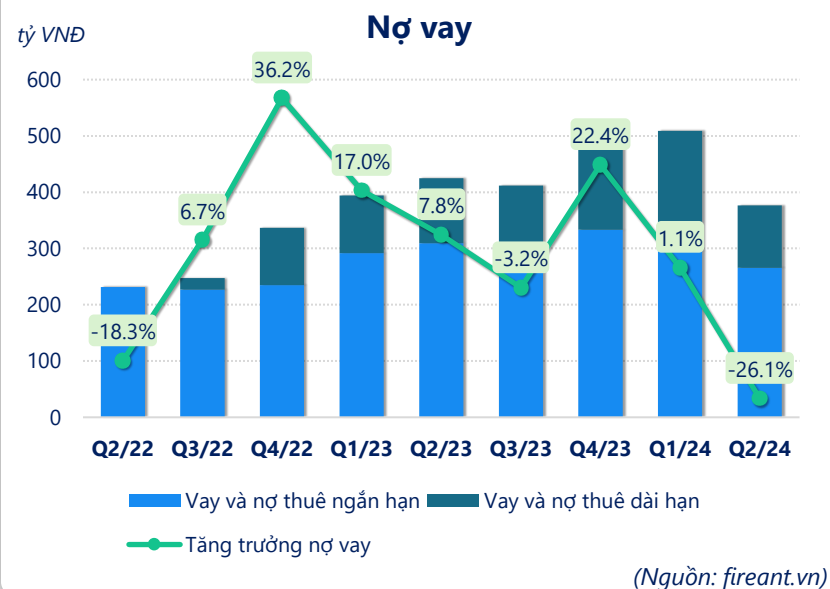
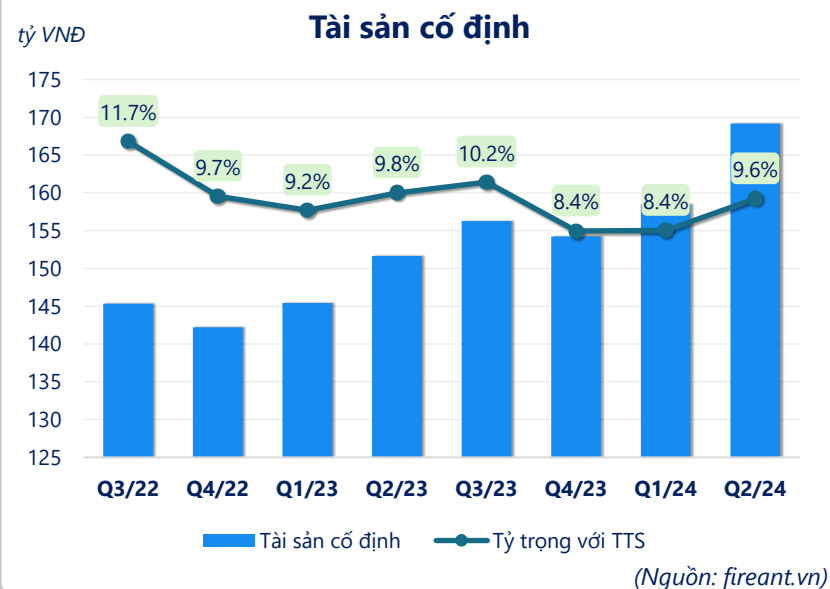
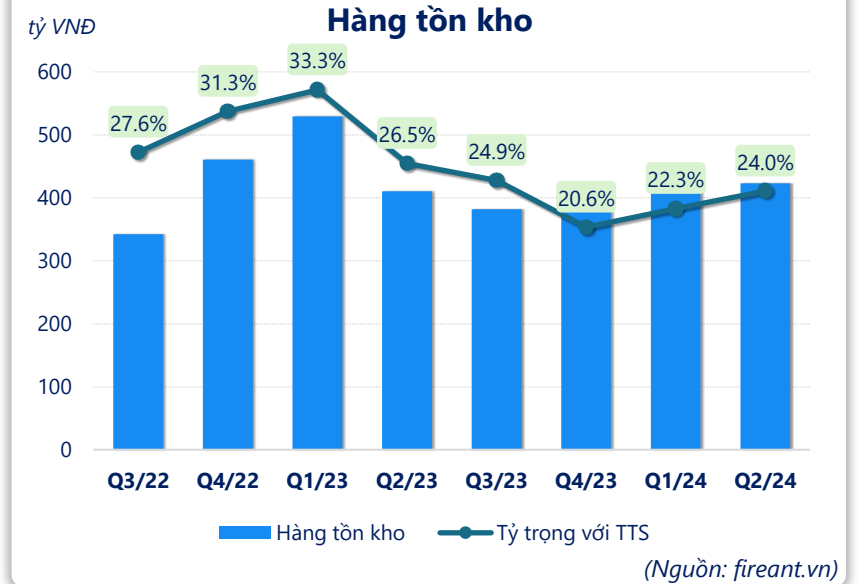
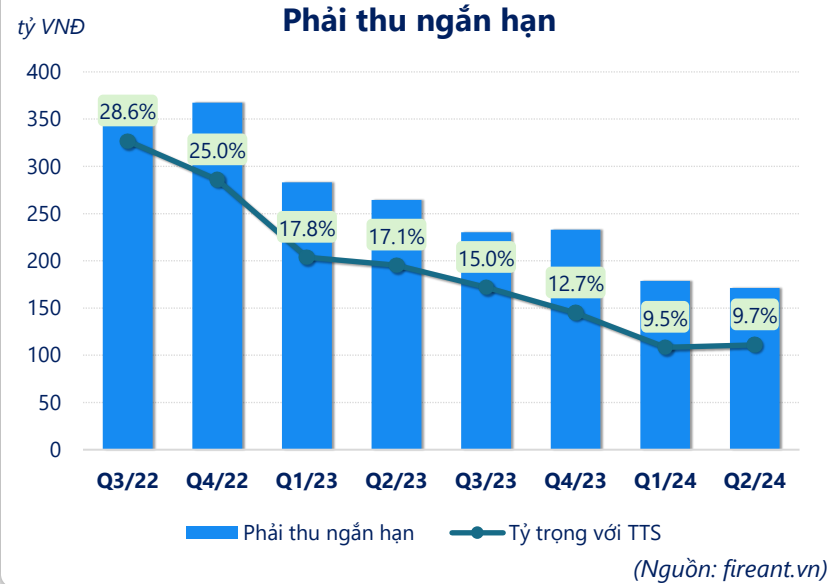
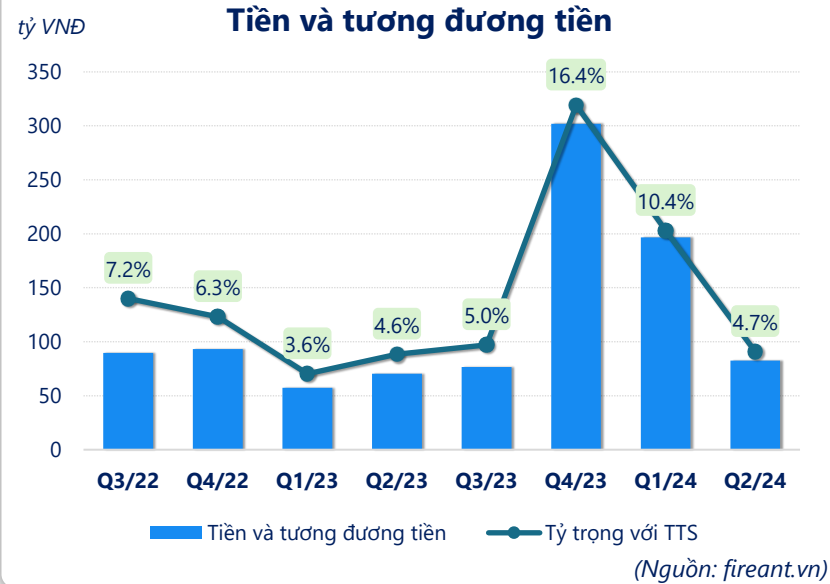
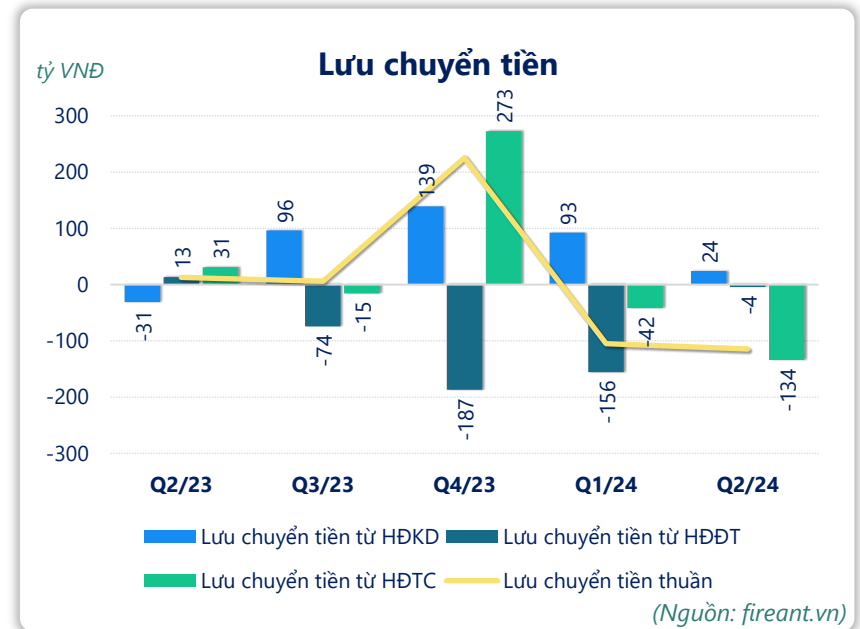
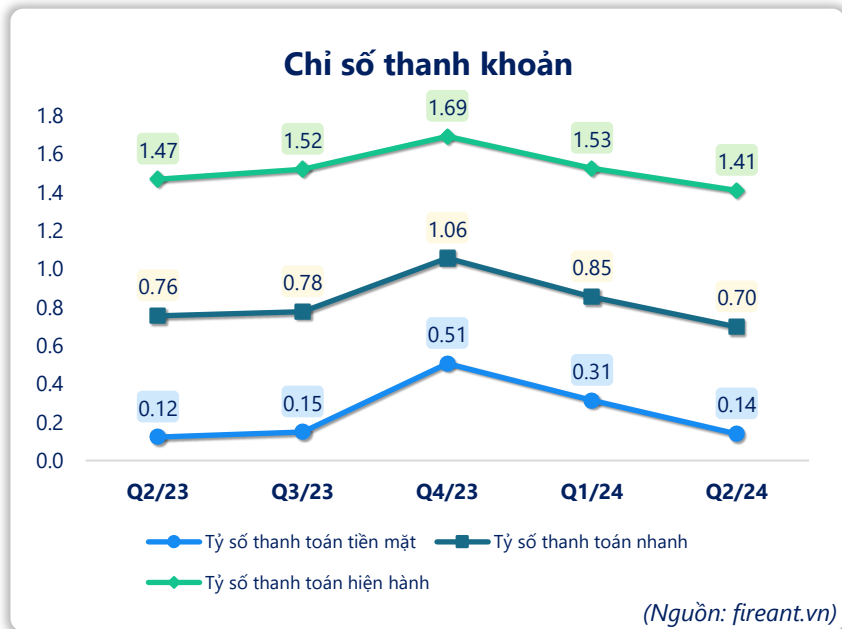
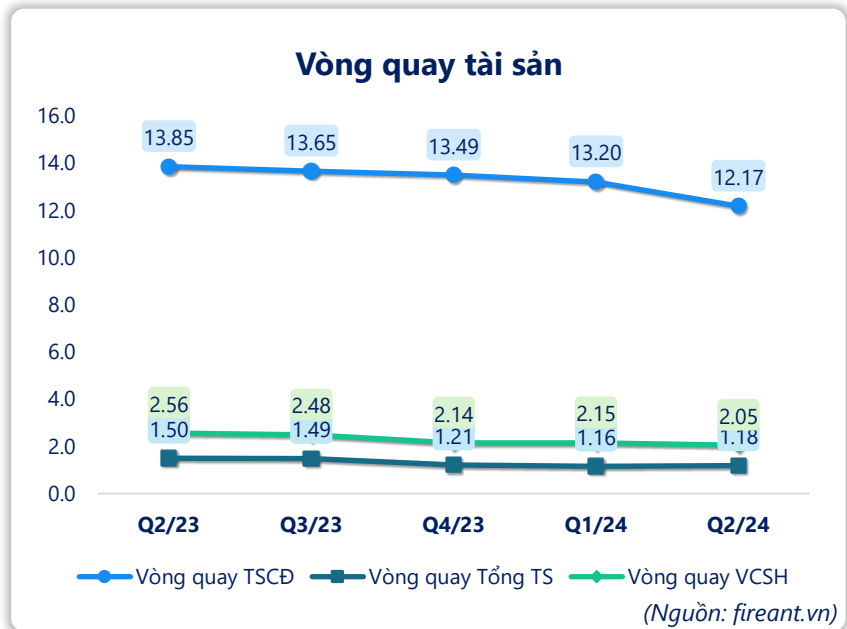
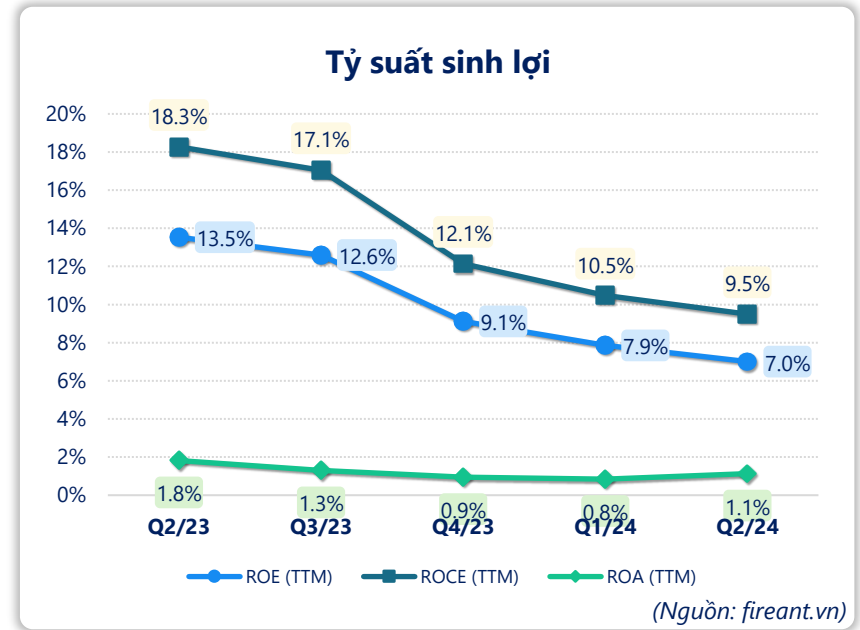
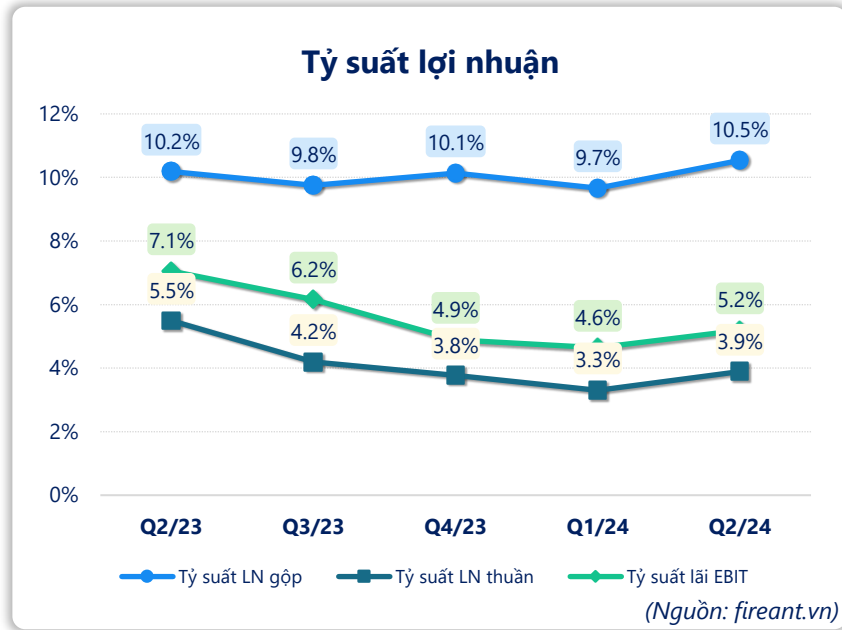
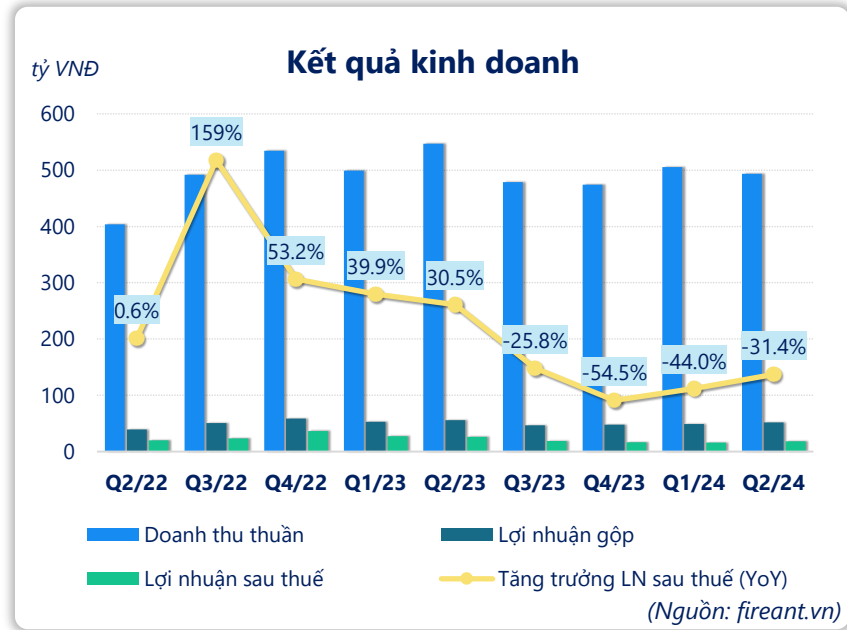


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		53,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		53,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,004
SL cổ phiếu LH		82,340,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)		137,650
% sở hữu nước ngoài		36.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,364
P/E		65.3
EPS		812

	YTD	1T	3T	6T
DHT	134.2%	24.7%	97.0%	136.3%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,766	1,838	-4.0%
Tài sản ngắn hạn	837	1,009	-17.0%
Tiền và tương đương tiền	82.5	302	-72.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140	80.0	75.0%
Phải thu ngắn hạn	171	233	-26.4%
Hàng tồn kho	423	379	11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	15.2	33.9%
Tài sản dài hạn	928	830	11.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	169	154	9.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	742	639	16.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	15.3	34.0	-55.1%
Tài sản dài hạn khác	2.15	2.51	-14.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	709	771	-8.0%
Nợ ngắn hạn	594	596	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	266	333	-20.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	136	146	-7.3%
Nợ dài hạn	116	175	-34.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	111	170	-34.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,056	1,067	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,056	1,067	-1.0%
Vốn điều lệ	823	823	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	547	479	474	506	494
Giá vốn hàng bán	491	432	426	457	442
Lợi nhuận gộp	55.7	46.7	48.0	48.9	52.0
Doanh thu HĐTC	4.88	4.47	3.48	5.38	3.79
Chi phí TC	7.59	6.58	4.41	4.80	6.92
Chi phí lãi vay	6.18	6.37	2.44	3.64	2.79
LN trong công ty LKLD	1.21	0.89	0.87	1.41	1.17
Chi phí bán hàng	6.29	6.84	6.09	9.69	5.90
Chi phí QLDN	17.9	18.6	24.0	24.5	25.0
LN thuần từ HĐKD	30.0	20.1	17.9	16.7	19.2
Lợi nhuận khác	2.35	3.04	2.90	3.14	3.64
LN trước thuế	32.4	23.1	20.8	19.8	22.8
Lợi nhuận sau thuế	26.0	18.7	16.8	16.2	18.4
LNST của CĐ cty mẹ	25.1	17.9	15.6	14.6	18.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.3	96.1	139	92.6	24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.4	-74.5	-187	-156	-4.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.9	-15.5	273	-41.9	-134
Tiền đầu kỳ	57.4	70.4	76.6	302	197
Lưu chuyển tiền thuần	13.0	6.14	225	-105	-114
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.02	0	0.00
Tiền cuối kỳ	70.4	76.6	302	197	82.5

(Nguồn: fireant.vn)